

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 1085/BC-UBND, ngày 04 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Mường Tè)

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2024	Quyết định UBND tỉnh Giao kế hoạch năm	Năm 2025			Quyết định UBND tỉnh Giao kế hoạch năm 2026	Nghị quyết HĐND xã giao năm 2026	Kế hoạch năm 2026	So sánh (%)			Ghi chú
					Nghị quyết HĐND giao tại Nghị quyết số	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025				Ước TH 2025/TH 2024	Ước TH 2025/NQ HĐND	Ước TH 2025/KH 2025	
-	Dân số	Người	6.238	6.343	6.305	6.305	6.305	6.365	6.365	6.365	101	100	100	
-	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	70	75	75,0	75,0	75,0	80,0	80,0	80,0	107	100	100	
-	Số bác sỹ trên vạn dân	1/10.000	3,00	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	3,20	107	100	100	
-	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,42	0,42	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40	95	100	100	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng													
+	Thẻ nhẹ cân	%	17,4	16,8	16,78	16,78	16,78	16,35	16,35	16,35	97	100	100	
+	Thẻ thấp còi	%	28,17	25,08	25,08	25,08	25,08	23,50	23,50	23,50	89	100	100	
-	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	90,50	93,00	93,00	93,0	93,0	93,1	93,1	93,1	103	100	100	
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	100	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100	100	100	
-	Tuổi thọ bình quân	Tuổi	68,0	67,3	68,5	68,5	68,5	68,8	68,8	68,8	101	100	100	
8	Giảm nghèo, giải quyết việc làm													
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4,7	5,0	7,3	7,28	11,60	2,60	3,50	3,5	247	159	159	
-	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	90	141	141	141	141	152	152	152	157	100	100	
-	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	90	105	105	105	105	60	90	90	117	100	86	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	28,5	29,6	29,8	29,8	29,8	30,0	30,0	30,0	105	100	100	
-	Tổng số lao động có việc làm trong nền kinh tế	lao động	4.145	4.221	4.221	4.221	4.221	4.312	4.312	4.312	102	100	100	
-	Tỷ lệ thất nghiệp	%	2,20	2,15	2,12	2,12	2,12	2,23	2,23	2,23	96	100	100	
9	Văn hóa													
-	Tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa	%	100	90,9	90,9	90,9	90,9	90,9	90,9	90,9	91	100	100	
-	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	72,26	82,33	82,33	82,33	81,16	72,78	72,78	72,78	112	99	99	Do tỷ lệ hộ nghèo các bản còn cao, mức sống thu nhập thấp và số hộ số khẩu còn mắc các tệ nạn xã hội còn nhiều,
-	Tỷ lệ bản đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	72,73	72,73	72,73	72,73	72,73	81,82	81,82	81,82	100	100	100	
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	85	100	100	100	86,67	83,33	83,33	83,33	102	86,7	86,7	Do một số cá nhân bị vi phạm kỷ luật do vậy dẫn đến các đơn vị trường bị ảnh hưởng dẫn đến việc cuối năm bình xét đánh giá của đơn vị không đạt
-	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%	100	100	100	100	100	95,30	95,30	95,30	100	100	100	
10	Môi trường													
-	Tỷ lệ số bản được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt	%	41,1	72,73	75,5	75,50	72,73	65,0	72,73	72,73	57	96	96	Hiện nay nau net các bản thuộc xã Năm Khao cũ và xã Mường Tè cũ chưa có bãi chôn lấp, không có phương tiện, lực lượng thu